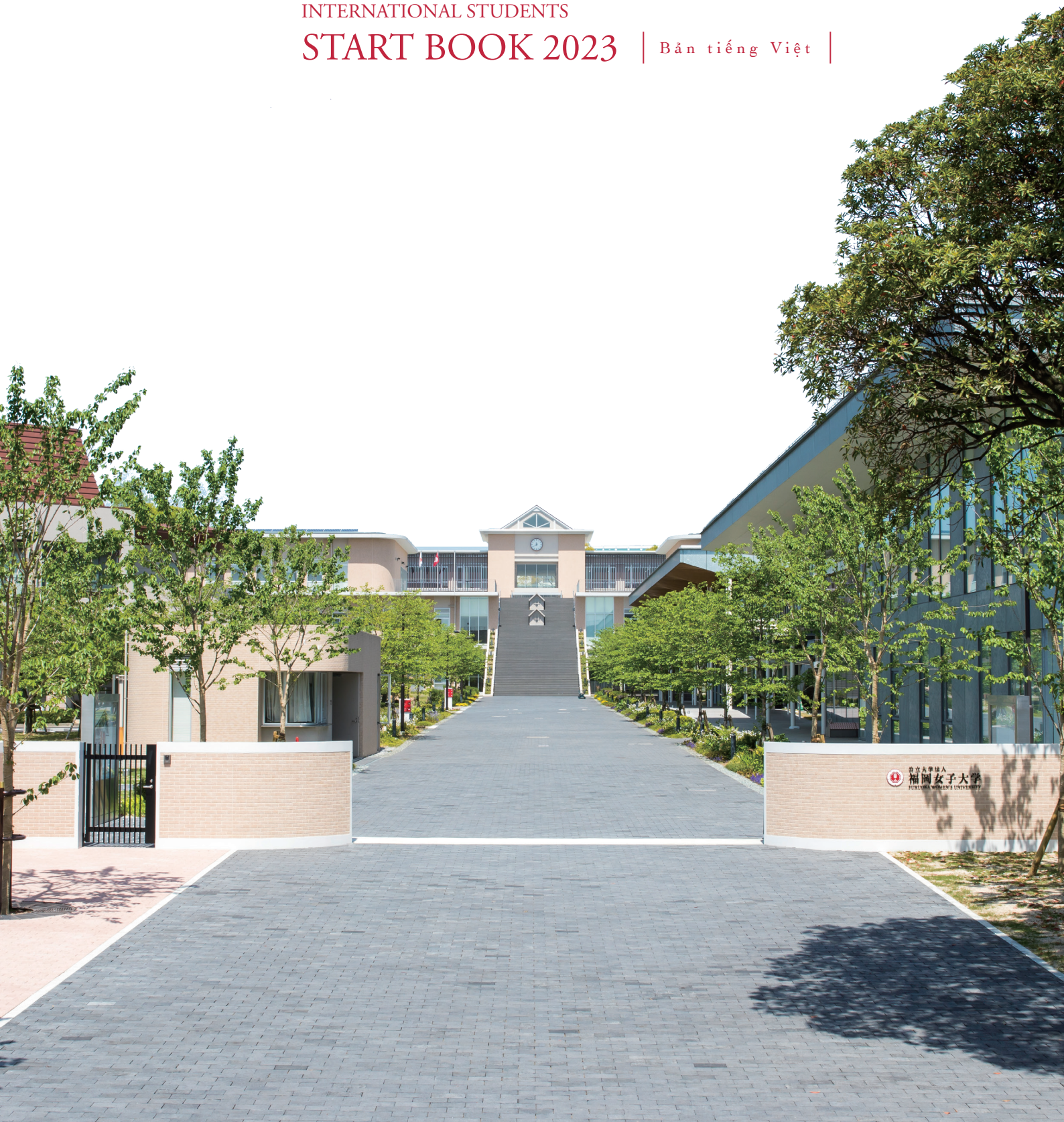




FUKUOKA WOMEN'S UNIVERSITY

INTERNATIONAL STUDENTS

START BOOK 2023 | Bản tiếng Việt |



Q Tôi có thể học được những gì tại Đại học Nữ sinh Fukuoka?

A Đại học Nữ sinh Fukuoka chỉ có một khoa duy nhất là khoa Khoa học tự nhiên xã hội và nhân văn Quốc tế. Tại tất cả các ngành học, thực hiện việc đào tạo tổng hợp các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Các sinh viên được nâng cao được kiến thức chuyên ngành cần thiết và năng lực tổng hợp của con người đủ để hòa nhập với cộng đồng Quốc tế.



Ngành Giáo dục Quốc tế

Đối với ngành học này, bạn có thể tự do lựa chọn các khóa học phù hợp với mong muốn của bản thân để học tập, trong các lĩnh vực học thuật như tư tưởng/ văn hóa, văn học, ngôn ngữ/ giáo dục ngôn ngữ, lịch sử, kinh tế, chính trị/ pháp luật, quản lý kinh doanh, xã hội, và các môn học chuyên ngành thuộc các khu vực Nhật Bản, Châu Á, Âu Mỹ, toàn cầu.

Ngành Khoa học môi trường

Khóa học Khoa học tự nhiên môi trường

(Lĩnh vực nghiên cứu về vật chất môi trường/
Lĩnh vực nghiên cứu về sự sống môi trường)

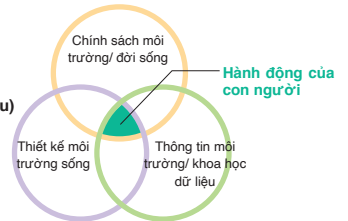
Với 2 lĩnh vực này làm chủ đạo, bạn có thể nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên liên quan đến vật chất môi trường và sự sống, hướng tới “xây dựng xã hội hòa hợp với môi trường”.



Khóa học Quản lý môi trường

(Lĩnh vực chính sách môi trường và đời sống/
Lĩnh vực thiết kế môi trường sống/
Lĩnh vực thông tin môi trường và khoa học dữ liệu)

Với 3 lĩnh vực này làm chủ đạo để học tập một cách tổng hợp, sinh viên suy nghĩ về “hành động của con người là gì?” nhằm cống hiến cho môi trường.



Ngành Thực phẩm và Sức khỏe

Sau khi hoàn thành tín chỉ của các môn học theo quy định, sinh viên sẽ tốt nghiệp và đồng thời nhận được bằng “Nhân viên dinh dưỡng” và “Tư cách để tham dự Kỳ thi Quốc gia chứng chỉ Chuyên viên quản lý dinh dưỡng”. *Tư cách lưu trú (visa lao động) không bao gồm tư cách Chuyên viên quản lý dinh dưỡng.



Q Tại sao lại sống ở ký túc xá?

A Cùng với việc nhập học, tất cả các sinh viên năm thứ 1 sẽ vào sống tại “Ký túc xá sinh viên Quốc tế Nadeshiko”, nơi mà các du học sinh và sinh viên Nhật Bản sẽ cùng sinh hoạt, ký túc xá sinh viên vừa là “nơi sinh hoạt” vừa là “nơi giáo dục”. Thông qua việc sinh hoạt cùng với sinh viên Nhật Bản, bạn có nhiều cơ hội để nuôi dưỡng tính tích cực, tính tự chủ, năng lực hành động của mình.

Căn hộ unit 4 người gồm các phòng ngủ riêng có ban công.

Trong 1 căn hộ unit (4 sinh viên dùng chung) sẽ có 1 du học sinh (sinh viên năm 1 ~ năm 4) và 3 sinh viên Nhật Bản (sinh viên năm 1) sinh hoạt cùng nhau, qua đó các sinh viên có thể trang bị cho mình năng lực xây dựng các mối quan hệ, hiểu rõ hơn về các nền văn hóa khác nhau, và kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ. Các du học sinh được kỳ vọng sẽ có những đóng góp cho việc giao lưu với sinh viên Nhật Bản và Quốc tế hóa trường đại học.

Ký túc xá rất tiện lợi cho việc học tập vì chỉ cần di chuyển trong khuôn viên trường.

Vì ký túc xá nằm ngay trong khuôn viên trường nên không tốn thời gian đi lại, bạn có thể tập trung vào học tập và tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ ngoại khóa, cũng như thoải mái sử dụng thời gian riêng của bản thân. Trường đã hoàn thiện môi trường và trang thiết bị đầy đủ cho cuộc sống mới, có đủ hệ thống hỗ trợ vận hành và đảm bảo an ninh trong ký túc xá. Các sinh viên có thể an tâm khi sinh hoạt tại đây.

Hoàn thiện môi trường cần thiết để bắt đầu cuộc sống mới

Có sẵn giường và bàn ghế trong phòng. Bạn không cần thiết phải sắm mọi thiết bị khi vào ký túc xá. Hãy sắm sửa dần dần, đó cũng là niềm vui và tiết kiệm về mặt kinh tế.

Chi phí: **15,000 yên/tháng** 180.000 yên/năm

Ngoài ra có phí vệ sinh cần thanh toán trước 16.500 yên (chỉ khi chuyển vào)

(Bao gồm phí sử dụng ký túc xá, phí hoạt động và phí duy trì/ phí gia hạn, phí điện nước gas và phí sử dụng đường truyền internet)



Dữ liệu về ký túc xá

Sức chứa	340 người	*4 người sử dụng 1 căn hộ unit 4DK (4 phòng ngủ + sử dụng chung phòng ăn và bếp, nhà tắm, toilet) x 85 unit (tòa nhà 6 tầng) Tòa nhà A - C
Diện tích	Phòng riêng/ khoảng 6 tấm chiếu tatami	1 unit tương đương/ 82,40m ²
Tiện nghi	- Phòng riêng/ Điều hòa, bàn (có đèn chiếu sáng và kệ sách), ghế, tủ quần áo, giường ngủ (có ngăn đựng đồ), mạng internet, ban công (có sào phơi đồ, giàn phơi đồ) * Đồ dùng phòng ngủ như chăn nệm, gối v.v... phải tự chuẩn bị hoặc có thể thuê (tính phí thuê) - Khu vực chung trong từng căn hộ/ * Dùng chung cho 4 người - Phòng bếp (bếp điện từ IH, bồn rửa, tủ lạnh, nồi cơm điện IH, lò vi sóng, ấm đun nước, bàn ăn), phòng tắm (có vòi sen), điều hòa, bồn rửa mặt, nhà vệ sinh, máy giặt, máy hút bụi, giá để ô dù, tủ đựng giày, điện thoại nội bộ v.v... - Khu vực sinh viên ký túc xá có thể sử dụng chung - Sảnh lớn, phòng họp, khu vực bếp công cộng, buồng tắm, phòng giặt v.v...	
Ăn uống	Tự túc 3 bữa ăn. Có thể sử dụng nhà ăn sinh viên từ 11:30 đến 19:00 các ngày trong tuần. (Thời gian tạm đóng cửa từ 14:00 đến 17:00). Cửa hàng J Shop của Hiệp hội University Co-op mở cửa từ 8:10 đến 18:10 các ngày trong tuần.*Thời gian hoạt động có thể thay đổi.	
Quản lý/ an ninh	Hệ thống khóa cửa tự động (lối vào chính) bằng thẻ từ, hệ thống an ninh có camera giám sát, nhân viên bảo vệ, nhân viên quản lý thường trực. Giờ giới nghiêm là 23:00. Sinh viên không thể ra ngoài từ 23:00 đến 5:00 sáng, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp. Sinh viên không được phép qua đêm bên ngoài vào các ngày trong tuần trong khoảng thời gian theo học, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt. Trường hợp muốn qua đêm bên ngoài, hãy xin phép trước với nhà trường.	

Q Tình hình tìm việc làm sau khi ra trường ra sao?

A Năm tài khóa 2021 **80%** (sinh viên học tiếp lên cao học: 6 người)

Các công ty chủ yếu công ty Honda Kiko, Owndays, Don Kihote

Các trường chủ yếu Cao học Đại học Nữ sinh Fukuoka, Cao học Đại học Kobe, Cao học Đại học Hiroshima, Cao học Đại học Mie, Cao học Đại học công lập Osaka

Số du học sinh tốt nghiệp là 20 người. Ngành Giáo dục Quốc tế có 4 sinh viên mong muốn đi làm, 3 sinh viên được nhận vào làm. Ngành Thực phẩm và Sức khỏe có 1 sinh viên mong muốn đi làm và đã được nhận. 4 sinh viên ngành Giáo dục Quốc tế, 1 sinh viên ngành Khoa học môi trường, 1 sinh viên ngành Thực phẩm và Sức khỏe học tiếp lên cao học.

Về sự hỗ trợ



Q Sau khi vào học tại trường, có cơ hội học tiếng Nhật hay không?

A Chúng tôi cung cấp nhiều cơ hội học tại trường và ngoài trường để nâng cao năng lực tiếng Nhật cần thiết và các kỹ năng học tập bằng tiếng Nhật. Thông qua các chương trình giảng dạy tiếng Nhật phù hợp với từng sinh viên, sẽ phát huy tốt nhất khả năng của mỗi sinh viên.

Chương trình giảng dạy tiếng Nhật

(Chương trình tiếng Nhật học thuật/ nghề nghiệp)

Là chương trình giảng dạy tiếng Nhật dành cho du học sinh, thực hiện trong năm thứ 1 và năm thứ 2. Cùng với việc giảng dạy truyền thụ 4 kỹ năng “nghe” “nói” “đọc” “viết” tiếng Nhật, sinh viên sẽ nhận được các kiến thức cơ bản cần thiết cho cuộc sống tại Nhật bản, và hướng tới mục tiêu phát biểu bằng tiếng Nhật và viết luận văn ngắn theo hình thức luận văn học thuật.

Chúng tôi không đặt điều kiện ứng tuyển cần phải tham gia thi “Kỳ thi năng lực tiếng Nhật”

Điều kiện ứng tuyển không bắt buộc bạn phải tham gia thi “Kỳ thi năng lực tiếng Nhật” do Hiệp hội hỗ trợ giáo dục Quốc tế Nhật Bản và Quỹ Giao lưu Quốc tế tổ chức, nhưng bạn cần phải có đủ năng lực nghe hiểu tiếng Nhật để có thể nắm được các bài giảng bằng tiếng Nhật, vì vậy hãy cố gắng học tiếng Nhật nhé.



Q Trường có chế độ hỗ trợ trong sinh hoạt cho sinh viên không?

A Chúng tôi có chế độ hỗ trợ trên nhiều mặt để giúp đỡ du học sinh làm quen với cuộc sống tại Nhật Bản và có thể bắt đầu cuộc đời sinh viên một cách suôn sẻ. Bạn có thể nắm bắt các cách diễn đạt hội thoại hàng ngày và năng lực giao tiếp, đồng thời kết bạn với người Nhật.

Người hỗ trợ du học sinh JD-Mates

Mỗi 1 du học sinh sẽ có 1 JD-Mates kèm cặp, sẽ hỗ trợ du học sinh về mặt sinh hoạt và học tập, như trợ giúp làm các thủ tục vào Nhật Bản, vào ký túc xá, mở tài khoản tại ngân hàng, thủ tục về bảo hiểm, hỗ trợ du học sinh về mặt sinh hoạt và học tập.



Tiếp nhận du học sinh nước ngoài

Trường tích cực tiếp nhận du học sinh nước ngoài.

Số du học sinh nước ngoài

Đại học: **70 người**

Cao học: **22 người**

Tổng số sinh viên

Undergraduate: **1,008 người**

Graduate: **55 người**

Nhật Bản



Đại học
938 người

Cao học
33 người

Hàn Quốc



Đại học
35 người

Trung Quốc



Đại học
17 người

Cao học
21 người

Việt Nam



Đại học
11 người

Malaysia



Đại học
2 người

Thái Lan



Đại học
3 người

Đài Loan



Đại học
1 người

Đức



Đại học
1 người

Serbia



Cao học
1 người

Tại thời điểm tháng 5 năm 2022



Q Có chương trình hỗ trợ về mặt tài chính cho du học sinh không?

A Tất cả du học sinh đều được miễn phí nhập học, do vậy gánh nặng về tài chính được giảm nhẹ. Ngoài ra, đối với các du học sinh có thành tích tốt cũng được miễn giảm học phí. Chúng tôi nhiệt thành cổ vũ các du học sinh thật sự cố gắng.

Phí nhập học	Học phí (1 năm)	Phí hội viên	Phí bảo hiểm	Phí ký túc xá	Phí khu dân cư	Tổng (không gồm học phí)
520.000 yên Miễn toàn bộ	535.800 yên Có chế độ miễn	Phí nhập hội/ 40.000 yên Hội phí/ 10.000 yên	Ngành Giáo dục Quốc tế 4.010 yên/4 năm Ngành Khoa học môi trường 4.010 yên/4 năm Ngành Thực phẩm và Sức khỏe 4.080 yên/4 năm	196.500 yên Nửa kỳ 90.000 yên Trả riêng khi chuyển vào ký túc xá Phí vệ sinh trả trước 16.500 yên	15.000 yên/ 4 năm	Ngành Giáo dục Quốc tế 265.510 yên Ngành Khoa học môi trường 265.510 yên Ngành Thực phẩm và Sức khỏe 265.580 yên

Đối với các du học sinh đạt được các thành tích học tập như trong mục (1) và (2) sau đây, sẽ được miễn giảm học phí.

(1) Đối với sinh viên năm 1 sẽ dựa vào kết quả thi đầu vào để chọn.

Miễn giảm toàn phần

Trường hợp đạt mục A hoặc B sau đây (tối đa 10 người)

- A. Điểm môn tiếng Nhật của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) nằm trong top 20 của tất cả số thí sinh, và 1 môn thi khác có điểm trên điểm trung bình
- B. Một trong những điểm số (score) của các chứng chỉ/ trình độ tiếng Anh trong bảng dưới đây cao hơn tiêu chuẩn miễn giảm toàn phần

Miễn giảm một nửa

Trường hợp đạt mục A hoặc B sau đây (tối đa 10 người)

- A. Điểm môn tiếng Nhật của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) nằm trong top 30 của tất cả số thí sinh, và 1 môn thi khác có điểm trên điểm trung bình
- B. Một trong những điểm số (score) của các chứng chỉ/ trình độ tiếng Anh trong bảng dưới đây cao hơn tiêu chuẩn miễn giảm một nửa

	TOEFL (iBT)	TOEIC L&R, S&W	IELTS	GTEC	TEAP	TEAP CBT	Kỳ thi Anh ngữ Cambridge	Kỳ thi Anh ngữ Eiken
Miễn giảm toàn phần	Trên 72	Trên 1560	Trên 5.5	Trên 1190	Trên 309	Trên 600	Trên 160	Trên 2300
Miễn giảm một nửa	Trên 57	Trên 1350	Trên 4.5	Trên 1075	Trên 267	Trên 510	Trên 150	Trên 2125

(2) Đối với sinh viên năm 2 ~ năm 4 sẽ dựa vào kết quả học tập mỗi học kỳ để chọn.

Miễn giảm toàn phần

Tổng điểm GPA từ 3,0 trở lên

Miễn giảm một nửa

Tổng điểm GPA trên 2,5 dưới 3,0; sinh viên không thuộc đối tượng miễn giảm toàn phần

* Trường hợp số sinh viên đạt tiêu chuẩn miễn giảm quá 10 người, sẽ quyết định theo thứ hạng thành tích.

Sử dụng chế độ “Công nhận nhập học trước khi sang Nhật”

Có thể dự tuyển từ nước khác ngoài Nhật Bản

Công nhận nhập học trước khi sang Nhật là chế độ cho phép thí sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh của các trường đại học tại Nhật Bản, và lấy được công nhận nhập học mà không cần rời khỏi đất nước của mình. Trong kỳ thi tuyển sinh dành cho du học sinh người nước ngoài, nhà trường thiết lập địa điểm tổ chức thi tại Hàn Quốc - Malaysia (tuyển sinh thông thường) và Việt Nam - Thái Lan (tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi giới thiệu) (nếu tổ chức thi trực tuyến thì thí sinh có thể tự do lựa chọn địa điểm thi), sử dụng kết quả của “Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)” (thí sinh đã dự thi ở ngoài Nhật Bản) do Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) thực hiện, và tiến hành chế độ Công nhận nhập học trước khi sang Nhật cho thí sinh. Nếu sử dụng chế độ này, thí sinh có thể dự thi và lấy được công nhận nhập học mà không cần đến Nhật.

Có thể nhận được học bổng của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO).

Đối với những thí sinh sử dụng chế độ Công nhận nhập học trước khi sang Nhật, nhà trường có “Chế độ xin nhận trước học bổng khuyến học dành cho du học sinh (do trường đại học giới thiệu)” của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO), và thí sinh có thể nhận được tiền học bổng.

Tham khảo: Khoản tiền học bổng năm tài chính 2022 là 48.000 yên x 12 tháng (Kỳ nhập học mùa xuân) hoặc 6 tháng (Kỳ nhập học mùa thu)

Về học bổng dành cho du học sinh nước ngoài

Học bổng trợ cấp của năm tài chính 2021 (Dành cho đối tượng du học sinh người nước ngoài tự túc)

•Số lượng: vài sinh viên

Tên loại học bổng	Số tiền trợ cấp (hàng tháng)
Học bổng khuyến học dành cho du học sinh người nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (Cơ quan quản lý: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản)	48.000 yên
Học bổng Cha Mẹ nuôi của du học sinh Châu Á Fukuoka (Cơ quan quản lý: Trung tâm giao lưu Quốc tế Fukuoka)	20.000 yên
Học bổng dành cho du học sinh Yokatopia (Học bổng kèm theo kinh nghiệm làm việc) (Cơ quan quản lý: Quỹ giao lưu Quốc tế Fukuoka Yokatopia)	60.000 yên

Về kỳ thi tuyển



Q Có kỳ thi tuyển sinh dành cho đối tượng du học sinh không?

A Du học sinh không thuộc trường đối tác trao đổi hãy nộp đơn thi tuyển vào kỳ thi chung dành cho du học sinh nước ngoài. Chúng tôi sẽ dựa vào thành tích thi của “Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)” (dự thi ngoài nước Nhật) để quyết định Công nhận nhập học trước khi sang Nhật. Nếu sử dụng chế độ này, thí sinh có thể dự thi và lấy được công nhận nhập học mà không cần đến Nhật.

Thời gian nhập học	Tháng 4 năm 2023		
Ngành học tuyển sinh	Ngành Giáo dục Quốc tế/ Ngành Khoa học môi trường/ Ngành Thực phẩm và Sức khỏe		
Lịch trình	Tuyển sinh chung dành cho du học sinh người nước ngoài	Tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi du học sinh nước ngoài giới thiệu [Việt Nam]	Tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi du học sinh nước ngoài giới thiệu [Thái Lan]
Số lượng tuyển sinh	20 người	vài người	vài người
Ngày thi	11/12/2022	18/7/2022	12/12/2022
Địa điểm thi	• Nhật Bản (Đại học Nữ sinh Fukuoka) • Hàn Quốc (Seoul) • Malaysia (Kuala Lumpur)	Vì là phỏng vấn trên WEB nên sẽ không có địa điểm tổ chức cụ thể	Thái Lan (Bangkok)
Phương pháp tuyển sinh	• Bài tiểu luận/ Phỏng vấn • Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) • Chứng chỉ tiếng Anh/ Kỳ thi trình độ*	• Phỏng vấn trên WEB • Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) • Chứng chỉ tiếng Anh/ Kỳ thi trình độ* • Giấy tờ cần nộp (bao gồm cả giấy tiền cử)	• Phỏng vấn trên WEB • Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) • Chứng chỉ tiếng Anh/ Kỳ thi trình độ* • Giấy tờ cần nộp (bao gồm cả giấy tiền cử)
Remarks	-	• Cần có sự giới thiệu của trường đối tác trao đổi	• Cần có sự giới thiệu của trường đối tác trao đổi

Số lượng tuyển sinh cho kỳ thi tuyển sinh thông thường (20 người) bao gồm số lượng tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi giới thiệu (vài người).

* Cần có Chứng chỉ tiếng Anh / Kỳ thi trình độ
1) Kỳ thi kỹ năng tiếng Anh thực dụng 2) TOEFL iBT 3) TOEIC® Listening & Reading Test và TOEIC® Speaking & Writing Tests
4) GTEC (4 kỹ năng) 5) IELTS 6) TEAP 7) TEAPCBT 8) Kỳ thi Anh ngữ Cambridge

Phương pháp tuyển sinh	Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) *1 (EJU)*				Tiếng Anh	Kỳ thi do trường đại học tổ chức		Tổng cộng
	Tiếng Nhật	Khoa học tự nhiên	Khoa học tổng hợp	Toán	Chứng chỉ tiếng Anh và bảng điểm của các kỳ thi trình độ	Bài tiểu luận	Phỏng vấn	
	“Đọc hiểu”, “Nghe hiểu / Nghe đọc hiểu”, “Viết luận”	Lựa chọn 2 môn học từ các môn “Vật lý”, “Hóa học”, “Sinh học”		Course 1 Course 2				
Ngành Giáo dục Quốc tế	300 điểm *2	-	200 điểm	Course 1 hoặc course 2	100 điểm *2	150 điểm	150 điểm	1000 điểm
Ngành Khoa học môi trường	300 điểm *2	200 điểm	-	-	100 điểm *2	150 điểm	150 điểm	1000 điểm
Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	300 điểm *2	200 điểm	-	-	100 điểm *2	150 điểm	150 điểm	1000 điểm

*1 Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
• Ngôn ngữ trong đề thi là tiếng Nhật hoặc tiếng Anh (có thể lựa chọn)
• Chỉ dành cho những thí sinh dự thi trong vòng 2 năm kể từ ngày thi đại học
• Nếu bạn muốn nhập học trước khi sang Nhật, hãy tham gia kỳ thi bên ngoài Nhật Bản

*2 Điểm số “Tiếng Nhật”, “Toán” của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) và điểm số trong Kỳ thi tiếng Anh / Kỳ thi trình độ được tính theo thang điểm của trường.
Ngoài ra, nếu bạn nộp nhiều chứng chỉ tiếng Anh và bảng điểm của các kỳ thi trình độ, nhà trường sẽ sử dụng điểm quy đổi cao nhất.

Q Điểm chuẩn trúng tuyển của Kỳ thi du học Nhật Bản là bao nhiêu?

A Điểm chuẩn trúng tuyển sẽ không được công bố. Vui lòng xem điểm số của các thí sinh trúng tuyển trong bảng dưới đây.

Phân loại nhập học	Ngành học	Tổng điểm số của thí sinh trúng tuyển			Điểm số từ Kỳ thi du học Nhật Bản của những thí sinh trúng tuyển (điểm gốc)			Điểm môn tiếng Nhật từ Kỳ thi du học Nhật Bản của những thí sinh trúng tuyển (điểm gốc)			Thang điểm	
		Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất	Điểm trung bình	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất	Điểm trung bình	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất	Điểm trung bình	Tổng điểm	Chi tiết
Tuyển sinh dành cho du học sinh nước ngoài	Ngành Giáo dục Quốc tế	818	663	749.3	669	556	614	375	310	351.2	1000	Kỳ thi du học Nhật Bản 600 điểm, Kỳ thi tiếng Anh / Kỳ thi trình độ 100 điểm, bài tiểu luận 150 điểm, phỏng vấn 150 điểm
	Ngành Khoa học môi trường	808	608	709.3	668	479	578	407	263	338.7	1000	Kỳ thi du học Nhật Bản 600 điểm, Kỳ thi tiếng Anh / Kỳ thi trình độ 100 điểm, bài tiểu luận 150 điểm, phỏng vấn 150 điểm
	Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1000	Kỳ thi du học Nhật Bản 600 điểm, Kỳ thi tiếng Anh / Kỳ thi trình độ 100 điểm, bài tiểu luận 150 điểm, phỏng vấn 150 điểm

Du học sinh nước ngoài Tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi du học sinh giới thiệu Về điểm số của [Việt Nam] không công khai vì số thí sinh trúng tuyển quá ít.



Q Số lượng thí sinh dự thi và tỷ lệ ứng tuyển ra sao?

A Hãy tham khảo bảng dưới đây

Phân loại nhập học		Ngành học	Số lượng tuyển sinh	Số thí sinh nộp đơn thi	Tỷ lệ ứng tuyển	Số thí sinh dự thi	Số thí sinh trúng tuyển	Số trúng tuyển bổ sung	Số sinh viên nhập học	
Tuyển sinh dành cho du học sinh nước ngoài	Tuyển sinh thông thường	Ngành Giáo dục Quốc tế	12	19	1.6	11	10	0	3	
		Ngành Khoa học môi trường	5	7	1.4	3	3	0	2	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	3	2	0.7	0	0	-	-	
		Tổng số	20	28	1.4	14	13	0	5	
		Trong đó Công nhận nhập học trước khi sang Nhật (Dự tuyển ngoài nước Nhật)	Ngành Giáo dục Quốc tế	-	14	-	7	6	0	2
		Ngành Khoa học môi trường	-	4	-	2	2	0	1	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	-	1	-	0	0	-	-	
		Tổng số	-	19	-	9	8	0	3	
	Tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi	Việt Nam	Ngành Giáo dục Quốc tế	vài người	1	-	1	1	0	1
			Ngành Khoa học môi trường	vài người	0	-	-	-	-	-
			Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	vài người	0	-	-	-	-	-
			Tổng số	vài người	1	-	1	1	0	1
		Thái Lan	Ngành Giáo dục Quốc tế	vài người	0	-	-	-	-	-
			Ngành Khoa học môi trường	vài người	0	-	-	-	-	-
			Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	vài người	0	-	-	-	-	-
			Tổng số	vài người	0	-	-	-	-	-
	Tổng số	Ngành Giáo dục Quốc tế	12	20	1.7	12	11	0	4	
		Ngành Khoa học môi trường	5	7	1.4	3	3	0	2	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	3	2	0.7	0	0	-	-	
		Tổng số	20	29	1.5	15	14	0	6	

Q Tôi muốn có bộ đề thi trong quá khứ hoặc bộ hướng dẫn tuyển sinh?

A Bạn có thể xem trên trang web của trường.

Các bạn muốn có bộ đề thi trong quá khứ
http://www.fwu.ac.jp/exam_info/kakomon.html



Các bạn muốn có bộ hướng dẫn tuyển sinh
http://www.fwu.ac.jp/exam_info/foreign_students.html



Q Làm thế nào để nộp hồ sơ ứng tuyển?

A Chỉ có thể nộp hồ sơ ứng tuyển qua Internet.
 Hãy nhấp vào mục “Nộp hồ sơ qua Internet” trên trang web của trường, hoặc truy cập vào mã QR code có ở phía bên phải.

<https://www.postanet.jp/info/011030>



Q Fukuoka là một nơi như thế nào?

A Fukuoka nằm ở vị trí địa lý phía bắc của Kyushu, là cửa ngõ của Kyushu và châu Á. Ngoài các khu vực shopping sầm uất như Tenjin, Hakata, còn có nhiều công viên rất thích hợp cho thư giãn. Và nếu bạn đi xa thêm một chút thì có thể tắm biển hoặc leo núi.



公立大学法人
福岡女子大学
FUKUOKA WOMEN'S UNIVERSITY

1-1-1 Kasumigaoka Higashi-ku thành phố Fukuoka 813-8529
URL : <http://www.fwu.ac.jp/>

Trung tâm tuyển sinh

Điện thoại: 092-692-3100 (nối trực tiếp) MAIL : nyushi-qa@fwu.ac.jp